

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **410/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/12/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái F** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Hải D**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: đường K, ấp N, xã M, TP O, Tiền Giang

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn E**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Huỳnh Hải D trình bày: Chị và anh E tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã C, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 27/8/2013. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm, anh chị đã nhiều lần tìm cách hàn gắn giải quyết nhưng vẫn không được. Sống ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay. Nay chị D nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Chị D yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Trần Văn E được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

* **Tại phiên tòa**, chị D vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho anh được ly hôn với anh Trần Văn E.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Chị D yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Anh Trần Văn E cho rằng mâu thuẫn gia đình không lớn, tình cảm vợ chồng vẫn còn, do vợ anh buôn bán ở O nên sống ly thân từ khoảng tháng 5/2021 đến nay. Nay anh còn D vợ, D con nên không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Nếu Toà án cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân của chị D và anh E mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân từ tháng 5/2021 nhưng không thể hàn gắn, anh E yêu cầu được đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương thức nào để hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D ly hôn với anh E.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Hiện 02 con chung đang chung sống với chị D, có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, đồng thời cháu F có nguyện vọng được sống với mẹ và

cháu Trần Quốc F còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, nên cần giao 02 con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Huỳnh Hải D về việc tranh chấp “Xin ly hôn” với anh Trần Văn E thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của anh Trần Văn E và chị Huỳnh Hải D tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh E, chị D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân tính tình không phù hợp thường xuyên tranh cãi, anh E thường xuyên xúc phạm chị D, anh chị sống ly thân từ tháng 05/2021, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh E. Anh E trình bày còn D chị D nhưng anh không đưa ra được phương thức nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh E, chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019. Cháu Tổ F có nguyện vọng được sống với chị D và cháu Trần Quốc F còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hiện 02 con chung đang được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, phát triển tốt nên cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị Huỳnh Hải D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Anh E, chị D trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 217; Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hải D

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Hải D được ly hôn với anh Trần Văn E.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Tổ F, sinh ngày 28/9/2013; Trần Quốc F, sinh ngày 27/7/2019 cho chị Huỳnh Hải D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Anh E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không có yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004969 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

Nguyễn Thị Ánh Hồng